

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

Hà Nội, tháng 04 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Đỗ Xuân Luật	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2017)
Ông Phan Đình Toại	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2017)
Ông Nguyễn Đại Thụ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2017)
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Bá Viện	Thành viên	
Ông Lương Mạnh Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2017)

Ban Giám đốc điều hành

Ông Phan Đình Toại	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Viện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phan Đình Toại
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2018

Số: *LB* /2018/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 07/04/2018, trình bày từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà tại thời điểm 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó tại ngày 06/06/2017.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
GCN ĐKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2018

Nguyễn Tuấn Vinh
Kiểm toán viên
GCN ĐKHN kiểm toán số 2067-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2017

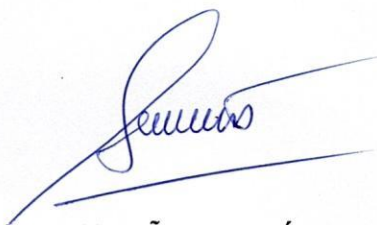
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		264.332.284.391	300.795.684.317
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.430.550.942	2.370.822.962
Tiền	111		430.550.942	2.370.822.962
Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		177.011.883.517	205.514.443.089
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	140.163.856.707	157.962.352.516
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.416.380.217	25.063.476.261
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	190.392.783	190.392.783
Các khoản phải thu khác	136	8	43.889.036.341	41.513.249.485
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(12.647.782.531)	(19.215.027.956)
Hàng tồn kho	140	9	80.183.379.782	92.882.428.598
Hàng tồn kho	141		80.183.379.782	92.882.428.598
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.706.470.150	27.989.668
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	51.035.608	9.712.152
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.655.434.542	18.277.516
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		219.626.618.608	149.633.266.068
Các khoản phải thu dài hạn	210		445.135.114	490.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	425.135.114	470.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	20.000.000	20.000.000
Tài sản cố định	220		24.411.217.481	16.510.451.674
Tài sản cố định hữu hình	221	11	24.411.217.481	16.510.451.674
- Nguyên giá	222		53.356.500.074	40.478.530.954
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.945.282.593)	(23.968.079.280)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	194.770.266.013	132.414.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		171.516.266.013	98.290.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.700.000.000	23.025.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.554.000.000	11.099.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		-	218.814.394
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	-	218.814.394
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		483.958.902.999	450.428.950.385

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		357.499.110.425	331.981.450.462
Nợ ngắn hạn	310		274.497.966.510	286.710.195.462
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	127.487.024.800	63.662.128.043
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		48.572.776.689	57.658.386.104
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	7.678.730.553	8.935.426.545
Phải trả người lao động	314		14.831.365.711	26.535.587.681
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	8.892.663.951	62.885.238.877
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	6.118.277.817	9.327.069.696
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	57.045.892.618	43.208.738.985
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	3.670.543.187	14.153.140.690
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		200.691.184	344.478.841
Nợ dài hạn	330		83.001.143.915	45.271.255.000
Phải trả dài hạn khác	337	15	21.000.000.000	10.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	62.001.143.915	35.271.255.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		126.459.792.574	118.447.499.923
Vốn chủ sở hữu	410	18	126.459.792.574	118.447.499.923
Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.500.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.500.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(82.636.364)	(82.636.364)
Vốn khác của chủ sở hữu	414		27.171.496.556	27.171.496.556
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.240.911.090	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.276.427.720	1.276.427.720
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.353.593.572	40.082.212.011
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		24.870.088.578	4.281.725.052
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.483.504.994	35.800.486.959
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		483.958.902.999	450.428.950.385

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2018

Người lập



Nguyễn Bá Quyết

Kế toán trưởng



Nguyễn Khắc Sơn

Tổng Giám đốc



Phan Đình Toại

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	246.252.241.813	389.440.000.073
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.908.570.148
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		246.252.241.813	387.531.429.925
Giá vốn hàng bán	11	20	232.063.180.808	342.844.121.242
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.189.061.005	44.687.308.683
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	6.845.784.885	8.139.583.217
Chi phí tài chính	22	22	10.087.471.476	5.238.406.943
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.797.909.464	5.219.207.506
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	1.452.104.881	10.261.315.037
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.495.269.533	37.327.169.920
Thu nhập khác	31	24	5.327.384.193	9.139.650.827
Chi phí khác	32	25	4.807.922.744	7.116.576.442
Lợi nhuận khác	40		519.461.449	2.023.074.385
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.014.730.982	39.350.244.305
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.531.225.989	3.549.757.346
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.483.504.994	35.800.486.959

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Bá Quyết

Nguyễn Khắc Sơn



Phan Đình Toại

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		10.014.730.982	39.350.244.305
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.729.633.345	4.481.970.499
Các khoản dự phòng	03		(17.049.842.928)	16.434.092.057
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(74.728)	(1.205.762.222)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(6.611.301.887)	(5.800.376.911)
Chi phí lãi vay	06		9.797.909.464	5.219.207.506
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		1.881.054.248	58.479.375.234
Tăng giảm các khoản phải thu	09		25.009.792.867	(27.960.437.537)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		12.699.048.816	13.802.700.544
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.614.544.343)	25.391.685.837
Tăng giảm chi phí trả trước	12		177.490.938	(191.839.120)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.411.554.816)	(3.530.671.988)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.723.806.938)	(3.970.090.790)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(615.000.000)	(589.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		28.402.480.772	61.431.722.180
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(13.155.108.955)	(3.667.640.562)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		150.303.024	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		44.864.886	3.600.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(62.032.410.909)	(97.700.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.099.000.000	14.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		983.481.886	866.201.043
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(66.909.870.068)	(82.901.439.519)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		162.885.766.732	120.276.178.834
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(122.318.724.184)	(98.810.236.676)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		40.567.042.548	21.465.942.158
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.059.653.252	(3.775.181)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.370.822.962	2.374.598.143
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		74.728	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	<u>4.430.550.942</u>	<u>2.370.822.962</u>

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2018

Người lập


Nguyễn Bá Quyết

Kế toán trưởng


Nguyễn Khắc Sơn

Tổng Giám đốc




Phan Đình Toại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 29/02/2008 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ đã được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 do Sở kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp ngày 13/05/2016.

Trụ sở chính của Công ty tại P302, G9, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội.
Văn phòng đại diện tại : Tầng 2, CT 4, KĐT Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Khảo sát xây dựng;
- Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình ngầm và mỏ, công trình xây dựng cầu đường, công trình thủy lợi, thủy điện hạ tầng kỹ thuật;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và thủy điện;
- Thi công gia cố và xử lý nền móng công trình;
- Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị khảo sát dân dụng, công nghiệp,....

1.3 CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Chi nhánh

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư và Thương mại Sông Đà - Xí nghiệp Sông Đà - Sodic số 1

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư và Thương mại Sông Đà - Xí nghiệp Sông Đà - Sodic số 2

Địa chỉ

Bản Huồi Lốt, xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

Tầng 2, CT 4, Khu đô thị Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội

Công ty con

Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic

Số 42, khối Tân Giang, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

Công ty TNHH MTV Thủy điện Sodic Điện Biên

Bản Huồi Lốt 1, xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thanh Hà

Số 241, đường Trần Phú, tổ 5, phường Trần Phú, Thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang

Công ty CP Kỹ thuật và Xây dựng Sông Đà

Bản Huồi Lốt, xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo là Báo cáo tổng hợp của Báo cáo Văn phòng Công ty và các chi nhánh trực thuộc, các nghiệp vụ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty và các Chi nhánh trực thuộc đã được loại trừ khi lập Báo cáo này.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

4.6 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản hàng tồn kho và nợ phải thu khó đòi theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Công ty đang áp dụng khấu hao nhanh 2 lần đối với tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện, vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Trên Báo cáo riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

4.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng chưa có đầy đủ chứng từ và được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

4.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, phiếu giá đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận phản ánh trên hóa đơn tài chính đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tại Văn phòng Công ty: 20%. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi nhánh Sông Đà - Sodic 1: Chi nhánh được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong vòng 9 năm theo khoản 1 điều 15 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

4.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	28.660.702	11.447.173
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	401.890.240	2.359.375.789
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	4.000.000.000	-
	4.430.550.942	2.370.822.962

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	140.163.856.707	157.962.352.516
- Ban điều hành thủy điện XK3	15.104.536.922	15.104.536.922
- BĐH thủy điện Huội Quảng	8.127.485.736	18.769.166.460
- BĐH DA thủy điện Đồng Nai 5	28.445.898.382	31.949.332.223
- Samwhan corporation	7.216.055.070	36.898.987.635
- Công ty TNHH MTV thủy điện Sodic Điện Biên	13.036.614.094	13.199.023.526
- Công ty CP thủy điện Long Tạo Điện Biên	12.594.101.057	-
- Công ty TNHH Thủy Điện Tây Nguyên	10.758.056.947	-
- Hoay Kapheu Power Sole Co.,Ltd	14.793.156.942	-
- Công ty CP Sông Đà 7	10.126.689.174	-
- Các khách hàng khác	19.961.262.383	42.041.305.750
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	13.878.034.797	14.019.377.220

(Chi tiết theo thuyết minh số 29)

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Phòng 302, nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	194.770.266.013	-	132.414.000.000	-
<i>Đầu tư vào Công ty con</i>	171.516.266.013	-	98.290.000.000	-
+ Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	7.000.000.000	78,92%	2.290.000.000	55,05%
+ Công ty TNHH MTV Thủy điện Sodic Điện Biên	151.700.000.000	100,00%	96.000.000.000	100,00%
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thanh Hà	9.365.000.000	50,57%	-	-
+ Công ty CP Kỹ thuật và Xây dựng Sông Đà	3.451.266.013	51,52%	-	-
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</i>	17.700.000.000	-	23.025.000.000	-
+ Công ty CP Thanh Hà	-	-	5.325.000.000	24,20%
+ Công ty TNHH Sông Đà 7.09	17.700.000.000	28,45%	17.700.000.000	49,38%
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	5.554.000.000	-	11.099.000.000	-
+ Công ty CP Xây dựng Công trình ngầm FECON	5.554.000.000	7,77%	4.000.000.000	7,77%
+ Công ty CP Đầu tư và Thương mại Toàn cầu DATC	-	-	7.099.000.000	5,26%

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Phòng 302, nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	43.889.036.341	-	41.513.249.485	-
- Tạm ứng người lao động	14.603.211.349	-	17.466.249.471	-
- Ký cược, ký quỹ	26.604.477.778	-	18.654.477.778	-
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	107.986.292	-	71.192.682	-
- Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	4.861.357.299	-
- Lãi cho vay	97.875.179	-	134.508.084	-
- Phải thu khác	2.475.485.743	-	325.464.171	-
Cho vay ngắn hạn	190.392.783	-	190.392.783	-
- Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	190.392.783	-	190.392.783	-
Dài hạn	20.000.000	-	20.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
Cho vay dài hạn	425.135.114	-	470.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Đồng Phát	200.000.000	-	200.000.000	-
Ông Bùi Đình Ảnh	150.000.000	-	150.000.000	-
Ông Phạm Đình Phôn	30.000.000	-	30.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Quang	15.045.038	-	30.000.000	-
Ông Nguyễn Hồng Phong	15.045.038	-	30.000.000	-
Ông Vũ Đức Luân	15.045.038	-	30.000.000	-
Phải thu khác bên liên quan	590.045.726	-	4.901.363.925	-

(Chi tiết theo thuyết minh số 29)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	31.420.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	80.058.343.309	-	92.651.934.790	-
Hàng hoá	125.036.473	-	199.073.808	-
	80.183.379.782	-	92.882.428.598	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	51.035.608	9.712.152
- Chi phí công cụ dụng cụ	51.035.608	3.822.000
- Các khoản khác	-	5.890.152
Chi phí trả trước dài hạn	-	218.814.394
- Chi phí công cụ dụng cụ	-	77.272.727
- Các khoản khác	-	141.541.667
	51.035.608	228.526.546

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Phòng 302, nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2017	7.122.548.727	28.451.121.189	4.768.661.038	136.200.000	40.478.530.954
- Mua trong năm	-	15.144.632.773	34.876.182	-	15.179.508.955
- Góp vốn vào Công ty con	-	(1.625.176.199)	-	-	(1.625.176.199)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(676.363.636)	-	(676.363.636)
31/12/2017	7.122.548.727	41.970.577.763	4.127.173.584	136.200.000	53.356.500.074
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2017	1.483.051.249	19.320.591.225	3.054.570.142	109.866.664	23.968.079.280
- Khấu hao trong năm	284.901.948	4.520.370.234	904.611.167	19.749.996	5.729.633.345
- Góp vốn vào Công ty con	-	(226.369.428)	-	-	(226.369.428)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(526.060.604)	-	(526.060.604)
31/12/2017	1.767.953.197	23.614.592.031	3.433.120.705	129.616.660	28.945.282.593
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2017	5.639.497.478	9.130.529.964	1.714.090.896	26.333.336	16.510.451.674
31/12/2017	5.354.595.530	18.355.985.732	694.052.879	6.583.340	24.411.217.481

Tại ngày 31/12/2017:

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 15.113.820.031 đồng.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm có các khoản vay: 11.483.877.229 đồng.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Phòng 302, nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	127.487.024.800	127.487.024.800	63.662.128.043	63.662.128.043
- Công ty CP cơ điện Sông Đà Sodic	9.052.324.094	9.052.324.094	7.621.272.294	7.621.272.294
- Công ty CP Sông Đà 3	14.675.826.574	14.675.826.574	17.926.679.365	17.926.679.365
- Công ty CP kỹ thuật và xây dựng Sông Đà	47.038.888.328	47.038.888.328	-	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Loan Nguyễn	14.282.837.271	14.282.837.271	-	-
- Công ty TNHH đầu tư XL thương mại Đạt Thành	8.031.962.225	8.031.962.225	-	-
- Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Duy Anh	7.226.575.400	7.226.575.400	-	-
- Các đối tượng khác	27.178.610.908	27.178.610.908	38.114.176.384	38.114.176.384
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	127.487.024.800	127.487.024.800	63.662.128.043	63.662.128.043
<i>(Chi tiết theo thuyết minh số 29)</i>	56.091.212.422	56.091.212.422	7.621.272.294	7.621.272.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	8.935.426.545	9.800.971.035	11.057.667.027	7.678.730.553
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	758.673.242	3.262.809.929	2.498.286.828	1.523.196.343
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.273.564.324	1.531.225.989	2.723.806.938	5.080.983.375
- Thuế thu nhập cá nhân	685.596.908	126.182.523	673.806.543	137.972.888
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.217.592.071	4.880.752.594	5.161.766.718	936.577.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	8.892.663.951	62.885.238.877
- Chi phí phải trả các công trình	8.892.663.951	62.885.238.877
Dài hạn	-	-

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	6.118.277.817	9.327.069.696
- Kinh phí công đoàn	414.476.493	417.697.255
- Bảo hiểm xã hội	1.007.688.577	825.541.960
- Bảo hiểm y tế	12.192.486	134.663.699
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.418.879	64.061.884
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.678.501.382	7.885.104.898
+ <i>Lãi vay phải trả</i>	2.144.929.649	1.649.987.362
+ <i>Thuế thu nhập cá nhân đã thu của CBCNV</i>	364.408.772	364.408.772
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	1.608.578.396	1.846.628.396
+ <i>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà Hòa Bình</i>	-	3.500.000.000
+ <i>Các khoản khác</i>	560.584.565	524.080.368
Dài hạn	21.000.000.000	10.000.000.000
Nhận tiền hợp tác kinh doanh	21.000.000.000	10.000.000.000

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	3.670.543.187	14.153.140.690
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	3.670.543.187	14.153.140.690
Dài hạn	-	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Phòng 302, nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	43.208.738.985	43.208.738.985	126.131.512.184	112.294.358.551	57.045.892.618	57.045.892.618
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>41.698.978.870</i>	<i>41.698.978.870</i>	<i>124.120.345.517</i>	<i>110.784.598.436</i>	<i>55.034.725.951</i>	<i>55.034.725.951</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	27.510.939.455	27.510.939.455	48.123.346.460	53.157.902.563	22.476.383.352	22.476.383.352
- Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	14.188.039.415	14.188.039.415	61.246.999.057	43.476.695.873	31.958.342.599	31.958.342.599
- Ông Nguyễn Khắc Sơn	-	-	11.750.000.000	11.150.000.000	600.000.000	600.000.000
- Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.509.760.115</i>	<i>1.509.760.115</i>	<i>2.011.166.667</i>	<i>1.509.760.115</i>	<i>2.011.166.667</i>	<i>2.011.166.667</i>
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	454.740.115	454.740.115	700.000.000	454.740.115	700.000.000	700.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.055.020.000	1.055.020.000	1.311.166.667	1.055.020.000	1.311.166.667	1.311.166.667
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	35.271.255.000	35.271.255.000	38.765.421.215	12.035.532.300	62.001.143.915	62.001.143.915
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	721.255.000	721.255.000	2.310.333.333	721.255.000	2.310.333.333	2.310.333.333
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	2.625.000.000	-	2.625.000.000	2.625.000.000
- Ông Phan Đình Toại	1.700.000.000	1.700.000.000	187.873.611	-	1.887.873.611	1.887.873.611
- Bà Hoàng Thị Tuyết	3.675.000.000	3.675.000.000	674.457.291	2.000.000.000	2.349.457.291	2.349.457.291
- Ông Nguyễn Khắc Sơn	13.175.000.000	13.175.000.000	32.967.756.980	4.245.000.000	41.897.756.980	41.897.756.980
- Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	16.000.000.000	16.000.000.000	-	5.069.277.300	10.930.722.700	10.930.722.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2017:

	Số hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo	01/01/2017 VND	31/12/2017 VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	0042/2017/HĐTDH M	150.000.000.000	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản đảm bảo	14.188.039.415	31.958.342.599
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai Ông Nguyễn Khắc Sơn	01/2017/5000517/H ĐTDHM	150.000.000.000	Thả nổi có điều chỉnh 8,25%	Tài sản đảm bảo Tín chấp	27.510.939.455 -	22.476.383.352 600.000.000
					41.698.978.870	55.034.725.951

Chi tiết các khoản vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2017:

	Thời hạn vay	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo	01/01/2017 VND	31/12/2017 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội	36 tháng	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản hình thành từ vốn vay	454.740.115	700.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	36 tháng	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản hình thành từ vốn vay	1.055.020.000	1.311.166.667
				1.509.760.115	2.011.166.667

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Phòng 302, nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)****Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2017:**

	Thời hạn vay	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo	01/01/2017		31/12/2017	
				VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội	36 tháng	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản hình thành từ vốn vay	721.255.000	2.310.333.333		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	36 tháng	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản hình thành từ vốn vay	-	2.625.000.000		
Ông Phan Đình Toại	36 tháng	10,9%	Tín chấp	1.700.000.000	1.887.873.611		
Bà Hoàng Thị Tuyết	36 tháng	10,9%	Tín chấp	3.675.000.000	2.349.457.291		
Ông Nguyễn Khắc Sơn	36 tháng	10,9% và 8,25%	Tín chấp	13.175.000.000	41.897.756.980		
Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	36 tháng	10,50%	Tín chấp	16.000.000.000	10.930.722.700		
				35.271.255.000	62.001.143.915		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1. CHI TIẾT GÓP VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết tình hình góp vốn của các cổ đông đến thời điểm 31/12/2017 như sau:

Tên cổ đông	Tại 31/12/2017					
	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp			Vốn thực góp		
	Số cổ phần CP	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần CP	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Tư vấn Sông Đà	218.213	2.182.130.000	3,97%	240.034	2.400.343.000	3,97%
Bà Nguyễn Thị Tuyền	440.000	4.400.000.000	8,00%	484.000	4.840.000.000	8,00%
Ông Phan Đình Toại	1.561.127	15.611.270.000	28,38%	1.717.240	17.172.397.000	28,38%
Ông Đỗ Xuân Luật	14.548	145.480.000	0,26%	16.003	160.028.000	0,26%
Ông Nguyễn Khắc Sơn	699.432	6.994.320.000	12,72%	769.375	7.693.752.000	12,72%
Ông Nguyễn Văn Tuấn	557.274	5.572.740.000	10,13%	613.001	6.130.014.000	10,13%
Bà Phan Thị Thanh Nga	546.775	5.467.750.000	9,94%	601.453	6.014.525.000	9,94%
Bà Hoàng Thị Tuyết	412.500	4.125.000.000	7,50%	453.750	4.537.500.000	7,50%
Các cổ đông khác	1.050.131	10.501.310.000	19,09%	1.155.144	11.551.441.000	19,09%
Tổng	5.500.000	55.000.000.000	100%	6.050.000	60.500.000.000	100%

18.2. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
+ Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	10.500.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	60.500.000.000	50.000.000.000

18.3. CỔ PHIẾU

	31/12/2017 CP	01/01/2017 CP
Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	6.050.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.050.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.050.000	5.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.050.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.050.000	5.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18.4 CÁC QUỸ

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ đầu tư phát triển	4.240.911.090	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.276.427.720	1.276.427.720

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Phòng 302, nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****18.5. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2016	50.000.000.000	(82.636.364)	-	22.377.199.687	-	1.276.427.720	-	6.004.362.979	-	79.575.354.022	-	35.800.486.959	35.800.486.959
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	35.800.486.959	35.800.486.959
- Tăng khác	-	-	-	-	27.171.496.556	-	-	-	-	-	-	3.917.711.331	31.089.207.887
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	4.794.296.869	-	-	-	-	(5.640.349.258)	(846.052.389)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(27.171.496.556)	-	-	-	-	-	(27.171.496.556)
31/12/2016	50.000.000.000	(82.636.364)	27.171.496.556	-	1.276.427.720	40.082.212.011	-	118.447.499.923	-	118.447.499.923	-	118.447.499.923	118.447.499.923
01/01/2017	50.000.000.000	(82.636.364)	27.171.496.556	-	1.276.427.720	40.082.212.011	-	118.447.499.923	-	118.447.499.923	-	118.447.499.923	118.447.499.923
- Tăng vốn trong năm nay (*)	10.500.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(10.500.000.000)	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.483.504.994	8.483.504.994
- Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	4.240.911.090	-	-	-	-	(4.712.123.433)	(471.212.343)
31/12/2017	60.500.000.000	(82.636.364)	27.171.496.556	4.240.911.090	1.276.427.720	33.353.593.572	-	126.459.792.574	-	126.459.792.574	-	126.459.792.574	126.459.792.574

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2017 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu	246.252.241.813	389.440.000.073
- Doanh thu bán hàng hóa	30.601.381.167	16.709.161.366
- Doanh thu hoạt động xây lắp	215.650.860.646	372.730.838.707
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	450.000.000	-
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết theo thuyết minh số 29)	53.747.642.090	78.007.261.364

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa	30.209.302.162	13.335.609.077
Giá vốn hoạt động xây lắp	201.853.878.646	329.508.512.165
	232.063.180.808	342.844.121.242

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	983.481.886	939.019.612
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.917.920.001	4.861.357.299
Lãi chuyển nhượng cổ phần	709.900.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	234.408.270	2.339.206.306
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	74.728	-
	6.845.784.885	8.139.583.217

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	9.797.909.464	5.219.207.506
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	289.562.012	19.199.437
	10.087.471.476	5.238.406.943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	1.452.104.881	10.261.315.037
Nguyên vật liệu	291.542.035	192.956.400
Nhân viên quản lý	5.395.640.682	4.563.263.016
Khấu hao tài sản cố định	333.061.034	416.704.976
Dụng cụ đồ dùng văn phòng	177.624.318	229.045.138
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	5.548.182
Chi phí dự phòng	(6.567.245.425)	3.505.951.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.286.406.479	815.851.707
Chi phí quản lý khác	531.075.758	531.994.251

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý tài sản cố định	150.303.024	-
Hoàn nhập chi phí các công trình	5.125.930.169	-
Thanh lý vật tư	51.151.000	-
Thu bảo hiểm rủi ro xây dựng công trình	-	451.191.164
Chuyển nhượng dự án	-	3.897.800.000
Các khoản khác	-	4.790.659.663
	5.327.384.193	9.139.650.827

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	150.303.024	-
Thanh lý vật tư, thiết bị	98.082.000	-
Các khoản bị phạt thuế, bảo hiểm	4.474.429.472	2.142.889.339
Chi phí các công trình đã quyết toán	-	819.564.188
Chi phí bảo hiểm rủi ro xây dựng các công trình	-	451.191.164
Chi phí chuyển nhượng dự án	-	3.543.454.545
Các khoản chi phí khác	85.108.248	159.477.206
	4.807.922.744	7.116.576.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- USD	303,45	313,24

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.15

	<u>Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND</u>	<u>Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.430.550.942	2.370.822.962
Phải thu khách hàng và phải thu khác	157.329.440.773	200.155.994.784
Đầu tư dài hạn khác	5.554.000.000	11.099.000.000
	<u>167.313.991.715</u>	<u>213.625.817.746</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	119.047.036.533	78.479.993.985
Phải trả người bán và phải trả khác	156.471.660.597	97.142.338.429
Chi phí phải trả	8.892.663.951	62.885.238.877
	<u>284.411.361.081</u>	<u>238.507.571.291</u>

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty ít thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, Ban Giám đốc đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước và nhân viên bán hàng phụ trách thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm tài chính. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	57.045.892.618	62.001.143.915	119.047.036.533
Phải trả người bán và phải trả khác	135.471.660.597	21.000.000.000	156.471.660.597
Chi phí phải trả	8.892.663.951	-	8.892.663.951
	201.410.217.166	83.001.143.915	284.411.361.081
01/01/2017			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	43.208.738.985	35.271.255.000	78.479.993.985
Phải trả người bán và phải trả khác	87.142.338.429	10.000.000.000	97.142.338.429
Chi phí phải trả	62.885.238.877	-	62.885.238.877
	193.236.316.291	45.271.255.000	238.507.571.291

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.430.550.942	-	4.430.550.942
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	156.884.305.659	445.135.114	157.329.440.773
Đầu tư dài hạn	-	5.554.000.000	5.554.000.000
	161.314.856.601	5.999.135.114	167.313.991.715
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.370.822.962	-	2.370.822.962
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.665.994.784	490.000.000	200.155.994.784
Đầu tư dài hạn	-	11.099.000.000	11.099.000.000
	202.036.817.746	11.589.000.000	213.625.817.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty trong năm 2017 bao gồm:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Tư vấn Sông Đà	Cổ đông
2	Ông Đỗ Xuân Luật	Cổ đông, Nguyên Chủ tịch HĐQT
3	Ông Phan Đình Toại	Cổ đông, Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT
4	Ông Nguyễn Khắc Sơn	Cổ đông, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên HĐQT
5	Nguyễn Bá Viện	Phó Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT
6	Ông Phạm Văn Tuấn	Giám đốc chi nhánh
7	Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	Công ty con
8	Công ty TNHH MTV Thủy điện Sodic Điện Biên	Công ty con
9	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thanh Hà	Công ty con
10	Công ty CP Kỹ thuật và Xây dựng Sông Đà	Công ty con
11	Công ty TNHH Sông Đà 7.09	Công ty liên kết
12	Bà Hoàng Thị Tuyết	Vợ ông Phan Đình Toại

Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Bán hàng	53.747.642.090	78.007.261.364
- Công ty TNHH MTV Thủy điện Sodic Điện Biên	38.639.600.997	78.007.261.364
- Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	1.808.155.299	-
- Công ty CP Kỹ thuật và Xây dựng Sông Đà	10.221.411.638	-
- Công ty TNHH Sông Đà 7.09	3.078.474.156	-
Mua hàng	27.692.690.732	9.128.167.825
- Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	27.692.690.732	9.128.167.825
Nhận tiền vay	45.511.412.451	44.150.000.000
- Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	-	16.000.000.000
- Ông Phan Đình Toại	187.873.611	1.700.000.000
- Ông Nguyễn Khắc Sơn	44.649.081.549	22.775.000.000
- Bà Hoàng Thị Tuyết	674.457.291	3.675.000.000
Thanh toán tiền vay	22.464.277.300	9.830.000.000
- Ông Nguyễn Khắc Sơn	15.395.000.000	9.830.000.000
- Bà Hoàng Thị Tuyết	2.000.000.000	-
- Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	5.069.277.300	-
Thu hồi tiền cho vay	-	3.500.000.000
- Ông Phạm Văn Tuấn	-	3.500.000.000
Cổ tức	4.917.920.001	-
- Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	4.917.920.001	-
Lãi vay phát sinh trong năm	5.386.354.648	1.718.662.883
- Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	1.286.262.982	858.666.667
- Ông Phan Đình Toại	187.873.611	-
- Ông Nguyễn Khắc Sơn	3.630.067.014	467.689.966
- Bà Hoàng Thị Tuyết	282.151.041	392.306.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Nhận tiền hợp tác kinh doanh	11.000.000.000	10.000.000.000
- Ông Nguyễn Khắc Sơn	4.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Bá Viện	2.000.000.000	-
- Ông Lương Mạnh Hùng	5.000.000.000	-
- Ông Phan Đình Toại	-	10.000.000.000

Số dư với bên liên quan

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng	13.878.034.797	14.019.377.220
- Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	841.420.703	820.353.694
- Công ty TNHH MTV Thủy điện Sodic Điện Biên	13.036.614.094	13.199.023.526
Phải trả người bán	56.091.212.422	7.621.272.294
- Công ty CP cơ điện Sông Đà Sodic	9.052.324.094	7.621.272.294
- Công ty cổ phần kỹ thuật và xây dựng Sông Đà	47.038.888.328	-
Người mua trả tiền trước	45.896.449.470	21.846.504.152
- Công ty TNHH MTV Thủy điện Sodic Điện Biên	44.486.694.226	21.846.504.152
- Công ty TNHH Sông Đà 7.09	1.409.755.244	-
Phải thu khác	590.045.726	4.901.363.925
- Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	6.806.800	4.868.164.099
- Công ty TNHH MTV Thủy điện Sodic Điện Biên	46.152.476	11.786.876
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thanh Hà	37.086.450	21.412.950
- Công ty TNHH Sông Đà 7.09	500.000.000	-
Các khoản phải trả khác ngắn hạn	2.144.929.649	927.342.188
- Ông Nguyễn Khắc Sơn	-	68.675.521
- Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	2.144.929.649	858.666.667
Các khoản phải trả khác dài hạn	21.000.000.000	10.000.000.000
- Ông Nguyễn Khắc Sơn	4.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Bá Viện	2.000.000.000	-
- Ông Lương Mạnh Hùng	5.000.000.000	-
- Ông Phan Đình Toại	10.000.000.000	10.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	57.665.810.582	34.550.000.000
- Ông Phan Đình Toại	1.887.873.611	1.700.000.000
- Bà Hoàng Thị Tuyết	2.349.457.291	3.675.000.000
- Ông Nguyễn Khắc Sơn	42.497.756.980	13.175.000.000
- Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	10.930.722.700	16.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Một số số liệu đã được Công ty điều chỉnh hồi tố theo Biên bản quyết toán thuế số 31589 ngày 31/10/2017 về việc Kiểm tra quyết toán thuế thu năm 2016 của Chi cục thuế Thanh Xuân Cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số liệu tại	Trình bày lại	Chênh lệch
		31/12/2016 VND	01/01/2017 VND	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tài sản				
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(30.755.392.053)	(19.215.027.956)	(11.540.364.097)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(7.539.447.248)	-	(7.539.447.248)
Tổng				(19.079.811.345)
Nguồn vốn				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.446.503.788	8.935.426.545	(4.488.922.757)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25.491.323.423	40.082.212.011	(14.590.888.588)
Tổng				(19.079.811.345)

Khoản mục	Mã số	Năm 2016 đã	Năm 2016	Chênh lệch
		được kiểm toán VND	trình bày lại VND	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Giá vốn hàng bán	11	350.383.568.490	342.844.121.242	7.539.447.248
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21.801.679.134	10.261.315.037	11.540.364.097
Chi phí khác	32	6.179.998.495	7.116.576.442	(936.577.947)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	21.207.010.907	39.350.244.305	(18.143.233.398)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	3.549.757.346	(3.549.757.346)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	21.207.010.907	35.800.486.959	(14.593.476.052)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Lợi nhuận trước thuế	01	21.207.010.907	39.350.244.305	(18.143.233.398)
Các khoản dự phòng	03	35.513.903.402	16.434.092.057	19.079.811.345
Tăng giảm các khoản phải thu	09	(27.963.025.001)	(27.960.437.537)	(2.587.464)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	24.457.695.354	25.391.685.837	(933.990.483)

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2018

Người lập


 Nguyễn Bá Quyết

Kế toán trưởng


 Nguyễn Khắc Sơn

Tổng Giám đốc




 Phan Đình Toại